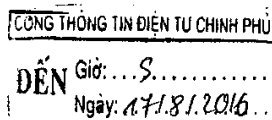


TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1601/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2) của Bộ Tài chính

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2015 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5742/BKHĐT-TH ngày 25 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư và danh mục dự án đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2) cho Bộ Tài chính tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Giao chi tiết danh mục dự án và mức vốn kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 của từng dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ trì kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016.

3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án.

Điều 3. Giao Bộ Tài chính:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng 8 năm 2016.

2. Thực hiện giải ngân và báo cáo giải ngân các dự án theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 3 Quyết định số 2527/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTH, Vụ KTN;
- Lưu: VT, KTTH(3b), Mạnh. 27



Nguyễn Xuân Phúc

Bộ Tài chính

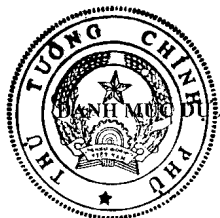


Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ
NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 2)**
(Kèm theo Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước	Kế hoạch năm 2016
TỔNG SỐ	534.863



Phụ lục II

AN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 2) CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1601 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ				3,326,329	3,326,329
	Nguồn thu từ khoản phí, lệ phí được để lại đầu tư				3,326,329	3,326,329
1	Chuẩn bị đầu tư					
(1)	Cơ sở Bồi dưỡng Sa Pa	Sa Pa				
(2)	Mở rộng KBNN 32 Cát Linh	Hà Nội				
(3)	KBNN Bình Dương	Bình Dương				
(4)	KBNN Thanh Miện	Hải Dương				
(5)	KBNN TX Kỳ Anh	Hà Tĩnh				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
(6)	KBNN Long Mỹ	Hậu Giang				
(7)	KBNN Bắc Quang	Hà Giang				
(8)	KBNN Long Phú	Sóc Trăng				
(9)	KBNN Bến Cát	Bình Dương				
(10)	KBNN Lắc	Đắk Lắk				
(11)	KBNN Bà Rịa	Bà Rịa-Vũng Tàu				
(12)	KBNN Thái Hòa	Nghệ An				
(13)	KBNN Thiệu Hóa	Thanh Hóa				
(14)	KBNN Ngân Sơn	Bắc Kạn				
(15)	KBNN Nghĩa Hưng	Nam Định				
(16)	KBNN Chư Prông	Gia Lai				
(17)	KBNN Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc				
(18)	KBNN Hòa An	Cao Bằng				
(19)	KBNN Quảng Trị	Quảng Trị				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
(20)	KBNN Đà Nẵng	Đà Nẵng				
2	Thực hiện dự án				3,326,329	3,326,329
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015				9,986	9,986
	Dự án nhóm C				9,986	9,986
	KBNN Nông Sơn	Quảng Nam	2011-2014	1203-30/10/2015	9,986	9,986
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				11,216	11,216
	Dự án nhóm C				11,216	11,216
	KBNN Hoài Nhơn	Bình Định	2010-2016	988-29/10/2009	11,216	11,216
c	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2016				1,979,972	1,979,972
	Dự án nhóm A					
	TT Đào tạo BDCB ngành Tài chính tại TP HCM	TP HCM	2014-2017	800 - 22/4/13	1,979,972	1,979,972
d	Các dự án khởi công mới năm 2016				1,325,155	1,325,155

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
	Dự án nhóm B				902,565	902,565
(1)	KBNN Bình Thuận	Bình Thuận	2016-2019	567-18/02/2016	92,308	92,308
(2)	KBNN Khánh Hoà	Khánh Hoà	2016-2019	565-18/02/2016	96,452	96,452
(3)	KBNN Nghệ An	Nghệ An	2016-2019	1043-14/3/2016	142,315	142,315
(4)	KBNN Hà Nội (18 GP)	Hà Nội	2016-2020	668-25/02/2016	571,490	571,490
	Dự án nhóm C	24 dự án			422,590	422,590
(5)	KBNN Lục Nam	Bắc Giang	2016-2018	540-17/02/2016	17,990	17,990
(6)	KBNN Bắc Tân Uyên	Bình Dương	2016-2018	548-17/02/2016	17,214	17,214
(7)	KBNN Bàu Bàng	Bình Dương	2016-2018	537-17/02/2016	16,804	16,804
(8)	KBNN Quảng Uyên	Cao Bằng	2016-2018	561-18/02/2016	13,845	13,845
(9)	Kho lưu trữ Đà Nẵng	Đà Nẵng	2016-2018	566-18/02/2016	19,965	19,965
(10)	KBNN Mường Chà	Điện Biên	2016-2018	1293-29/3/2016	14,740	14,740
(11)	KBNN Yên Minh	Hà Giang	2016-2018	558-18/02/2016	17,897	17,897
(12)	KBNN Lý Nhân	Hà Nam	2016-2018	559-18/02/2016	17,988	17,988

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
(13)	KBNN Hương Khê	Hà Tĩnh	2016-2018	542-17/02/2016	20,120	20,120
(14)	Kho lưu trữ Lào Cai	Lào Cai	2016-2018	534-16/02/2016	15,561	15,561
(15)	KBNN Bảo Lộc	Lâm Đồng	2016-2018	538-17/02/2016	15,035	15,035
(16)	KBNN TX Ba Đồn	Quảng Bình	2016-2018	550-17/02/2016	20,120	20,120
(17)	KBNN Núi Thành	Quảng Nam	2016-2018	562-18/02/2016	14,442	14,442
(18)	KBNN Lý Sơn	Quảng Ngãi	2016-2018	563-18/02/2016	15,615	15,615
(19)	KBNN Hướng Hóa	Quảng Trị	2016-2018	549-17/02/2016	17,983	17,983
(20)	KBNN Lang Chánh	Thanh Hoá	2016-2018	560-18/02/2016	17,978	17,978
(21)	KBNN Yên Bình	Yên Bái	2016-2018	539-17/02/2016	17,853	17,853
(22)	KBNN Kỳ Anh (mới)	Hà Tĩnh	2016-2018	541-17/02/2016	18,000	18,000
(23)	KBNN Ia H'Drai	Kon Tum	2016-2018	564-18/02/2016	13,869	13,869
(24)	KBNN Quảng Trạch	Quảng Bình	2016-2018	552-17/02/2016	15,751	15,751
(25)	KBNN Vân Đồn	Quảng Ninh	2016-2018	551-17/02/2016	21,700	21,700
(26)	KBNN Thái Thụy	Thái Bình	2016-2018	543-17/02/2016	18,000	18,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu để lại cho ĐT nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN
(27)	KBNN Bình Gia	Lạng Sơn	2016-2018	883-23/10/2014	23,702	23,702
(28)	KBNN Dương Kinh	Hải Phòng	2016-2018	882-23/10/2014	20,418	20,418